

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TIẾNG TRUNG CĂN BẢN 2

Số tín chỉ: 03

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Khối ngành không chuyên

Năm 2022

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Khối ngành không chuyên

1. Tên học phần: Tiếng Trung căn bản 2

2. Mã học phần: TTRUNG 016

3. Số tín chỉ: 3 (3,0)

4. Trình độ cho sinh viên: Năm thứ 2 (kỳ I)

5. Phân bổ thời gian

- Lên lớp: 45 giờ lý thuyết, 0 giờ thực hành

- Tự học: 90 giờ

6. Điều kiện tiên quyết: Học sau học phần Tiếng Trung căn bản 1

7. Giảng viên

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Phạm Thị Hồng Trang	0966518898	pthtrang@saodo.edu.vn
2	ThS. Nguyễn Thị Lan	0348518391	ntlans@saodo.edu.vn
3	ThS. Bùi Thị Trang	0978693593	bttrang@saodo.edu.vn
4	ThS. Nguyễn Thị Xuyên	0988964751	ntxuyen@saodo.edu.vn

8. Mô tả nội dung của học phần

Học phần Tiếng Trung căn bản 2 gồm 12 bài, cung cấp kiến thức về từ vựng, các cụm từ, cấu trúc ngữ pháp liên quan đến các chủ đề giao tiếp trong đời sống hằng ngày trong học phần: Thời gian, thời tiết, hoạt động đang xảy ra, mua quần áo, màu sắc, vị trí, sở thích. Kiến thức ngữ pháp được trình bày từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp tương ứng với nội dung từng bài trong học phần. Các bài tập trong học phần được thiết kế tập trung rèn luyện các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết cơ bản; củng cố vốn từ vựng, các cấu trúc câu tương ứng với nội dung từng bài trong học phần.

9. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

9.1. Mục tiêu

Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào tạo:

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	Mức độ theo thang đo Bloom	Đáp ứng mục tiêu CTĐT
MT1	Kiến thức		
MT1.1	Trình bày kiến thức về các nội dung sau: - Từ vựng: Các từ, cụm từ theo chủ đề giao tiếp trong học phần: Thời gian, thời tiết, hoạt động đang	2	[1.2.1.1b]

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	Mức độ theo thang đo Bloom	Đáp ứng mục tiêu CTĐT
	xảy ra, mua quần áo, màu sắc, vị trí, sở thích. - Cấu trúc ngữ pháp: Câu chữ 有 biểu thị sự tồn tại, câu cầu khiến với 请, câu chủ vị, câu 是...的; câu hỏi 是不是, 好吗, 怎么样, 怎么, 多; động từ năng nguyện 要, 能, 会; phó từ 太, 都, 最, 真, 已经, 就, 还, 有点儿; trợ từ ngữ khí 吧, 啊, 呢; cách biểu đạt thời gian, số điện thoại, số ước lượng; cấu trúc diễn tả thời gian...的时候, nguyên nhân kết quả 因为...所以, động tác đang xảy ra 在...呢; lượng từ lặp lại; trợ từ 了, liên từ 和, cụm từ chữ 的, đại từ 每, danh từ 后, 前.		
MT2	Kỹ năng		
MT2.1	Đọc và nghe hiểu được nội dung các đoạn hội thoại, đoạn văn trong học phần.	3	[1.2.2.3]
MT2.2	Sử dụng thành thạo từ vựng, cấu trúc câu để biểu đạt được nội dung về các chủ đề giao tiếp hằng ngày trong học phần.	3	[1.2.2.3]
MT3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
MT3.1	Sử dụng đúng các kiến thức đã học trong các tình huống giao tiếp thực tế trong đời sống xã hội.	3	[1.2.3.1]
MT3.2	Sinh viên có năng lực: Làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, giao tiếp và thuyết trình giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp.	3	[1.2.3.1]

9.2. Chuẩn đầu ra

Sự phù hợp của chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

CDR học phần	Mô tả CDR học phần	Mức độ theo thang đo Bloom	Đáp ứng CDR của CTĐT
CDR1	Kiến thức		
CDR1.1	Liệt kê được và viết đúng từ vựng liệt kê được các từ vựng thuộc các chủ đề giao tiếp: Thời gian, thời tiết, hoạt động đang xảy ra, mua quần áo, màu sắc, vị trí, sở thích.	2	[2.1.2]
CDR1.2	Vận dụng kiến thức về ngữ âm để phát âm chuẩn,	2	[2.1.2]

CDR học phần	Mô tả CDR học phần	Mức độ theo thang đo Bloom	Đáp ứng CDR của CTĐT
	chính xác; đọc đúng ngữ điệu.		
CDR1.3	Trình bày được định nghĩa, công thức, đặc điểm ngữ pháp của câu hỏi dùng: câu hỏi 是不是, 好吗, 怎么样, 怎么, 多.	2	[2.1.2]
CDR1.4	Trình bày được định nghĩa, công thức, đặc điểm ngữ pháp của câu: Câu chữ 有 biểu thị sự tồn tại, câu cầu khiến với 请, câu vị ngữ chủ vị, câu是...的.	2	[2.1.2]
CDR1.5	Xác định được ý nghĩa, vị trí đặc điểm của phó từ 太, 都, 最, 真, 已经, 就, 还, 有点儿; động từ năng nguyện 要, 能, 会; trợ từ ngữ khí 吧, 啊, 呢; lượng từ lặp lại, trợ từ 了, liên từ 和, cụm từ chữ 的, đại từ 每, danh từ 后 và 前.	2	[2.1.2]
CDR1.6	Trình bày được cách biểu đạt thời gian về giờ, số điện thoại, số ước lượng.	2	[2.1.2]
CDR1.7	Trình bày được đặc điểm và cách dùng của cấu trúc biểu đạt nguyên nhân kết quả 因为...所以, động tác đang xảy ra 在...呢.		
CDR1.8	Vận dụng các kiến thức về từ vựng, ngữ pháp cấu trúc câu để nghe, nói, đọc, viết, dịch câu, dịch đoạn hội thoại, bài nói ngắn, trình bày hay thuyết trình các quan điểm cá nhân về các chủ đề giao tiếp trong học phần ở trình độ sơ cấp; hoàn thành bài tập.	2	[2.1.2]
CDR2	Kỹ năng		
CDR2.1	Viết đúng, nhớ mặt chữ và nghĩa các chữ Hán trong học phần.	3	[2.2.6]
CDR2.2	Phát âm chuẩn và sử dụng đúng các từ vựng trong học phần để diễn đạt ý muốn nói; đặt câu, viết câu.	3	[2.2.6]
CDR2.3	Sử dụng được các từ vựng, các hiện tượng ngữ pháp trong học phần để nghe, đọc hiểu và dịch được nội bài đọc ra tiếng Việt, hoàn thành bài tập.	3	[2.2.6]
CDR2.4	Viết được các đoạn văn ngắn khoảng 50 - 80 từ về	3	[2.2.6]

CDR học phần	Mô tả CDR học phần	Mức độ theo thang đo Bloom	Đáp ứng CDR của CTĐT
	các chủ đề: Thời gian, thời tiết, hoạt động đang xảy ra, mua quần áo, màu sắc, vị trí, sở thích.		
CDR2.5	Giao tiếp lưu loát bằng tiếng Trung về các chủ đề giao tiếp trong học phần.	3	[2.2.6]
CDR3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CDR3.1	Có thái độ tích cực hợp tác với giảng viên và các sinh viên khác trong quá trình học và làm bài tập.	3	[2.3.1]
CDR3.2	Có kỹ năng tự đọc và nghiên cứu các phần tự học trong tài liệu mà giảng viên yêu cầu.	3	[2.3.1]
CDR3.3	Có khả năng thuyết trình các vấn đề tự học.	3	[2.3.1]

10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần

Bài	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần															
		CDR1								CDR2					CDR3		
		CDR 1.1	CDR 1.2	CDR 1.3	CDR 1.4	CDR 1.5	CDR 1.6	CDR 1.7	CDR 1.8	CDR 2.1	CDR 2.2	CDR 2.3	CDR 2.4	CDR 2.5	CDR 3.1	CDR 3.2	CDR 3.3
1	第一课 我能坐这儿吗	2	2		2	2			2	3	3	3	3	3	3	3	3
2	第二课 现在几点	2	2			2	2		2	3	3	3	3	3	3	3	3
3	第三课 明天天气怎么样	2	2	2	2	2			2	3	3	3	3	3	3	3	3
4	第四课 他在学做中国菜呢	2	2			2	2	2	2	3	3	3	3	3	3	3	3
5	第五课 他买了不少衣服	2	2			2			2	3	3	3	3	3	3	3	3
6	第六课 我是坐飞机来的	2	2		2		2		2	3	3	3		3	3	3	3
7	第七课 九月去北京旅游最好	2	2			2	3		2	3	3	3		3	3	3	3
8	第八课 我每天六点起床	2	2	2		2			2	3	3	3		3	3	3	3
9	第九课 左边那个红色的是我的	2	2			2			2	3	3	3	3	3	3	3	3
10	第十课 这个工作是你帮我和介绍的	2	2		2	2			2	3	3	3	3	3	3	3	3
11	第十一课 就买这件吧	2	2			2			2	3	3	3	3	3	3	3	3
12	第十二课 你怎么不吃了	2	2	2		2		2	2	3	3	3		3	3	3	3

11. Đánh giá học phần

11.1. Ma trận phương pháp kiểm tra đánh giá với chuẩn đầu ra học phần

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Phương pháp kiểm tra đánh giá (Hình thức, thời gian, thời điểm)	CĐR của học phần			Ghi chú
					CĐR1	CĐR2	CĐR3	
1	Điểm kiểm tra thường xuyên	1 điểm	20%	- Đánh giá thái độ tham gia thảo luận. - Đánh giá bài tập cá nhân. - Đánh giá chuyên cần.	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR1.4, CĐR1.5, CĐR1.6, CĐR1.7, CĐR1.8.	CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5.	CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3.	Điểm trung bình của các lần đánh giá
2	Điểm kiểm tra giữa học phần	1 điểm	30%	Tự luận (90 phút).	CĐR1.3, CĐR1.4, CĐR1.5, CĐR1.6, CĐR1.7, CĐR1.8.	CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5.	CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3.	
3	Điểm thi kết thúc học phần	1 điểm	50%	Trắc nghiệm kết hợp (90 phút).	CĐR1.3, CĐR1.4, CĐR1.5, CĐR1.6, CĐR1.7, CĐR1.8.	CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.5.	CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3.	

11.2. Cách tính điểm học phần

Điểm học phần là trung bình cộng các điểm thành phần đã nhân trọng số. Tính theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân. Sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm 4.

12. Yêu cầu học phần

- Tham gia tối thiểu 80% số giờ học trên lớp.
- Đọc và nghiên cứu tài liệu phục vụ học phần, hoàn thành các bài tập cá nhân và bài tập nhóm.
- Chủ động ôn tập theo đề cương ôn tập được giảng viên cung cấp.
- Tham gia kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần.
- Dụng cụ học tập: Điện thoại smart phone, vở ghi, bút.

13. Tài liệu phục vụ học phần

- Tài liệu chính:

[1] - Trường Đại học Sao Đỏ (2021), *Tài liệu học tập Tiếng trung căn bản 2*.

[2] - Khương Lê Bình (2018), *Giáo trình chuẩn HSK 1*, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] - Khương Lê Bình (2018), *Giáo trình chuẩn HSK 1 - Sách bài tập*, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

[4] - Khương Lê Bình (2018), *Giáo trình chuẩn HSK 2*, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

[5] - Khương Lê Bình (2018), *Giáo trình chuẩn HSK 2 - Sách bài tập*, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

- Tài liệu tham khảo:

[6] - Dương Ký Châu (2019), *Giáo trình Hán ngữ (tập 1, thượng)*, NXB Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh.

[7] - Dương Ký Châu (2019), *Giáo trình Hán ngữ (tập 1, hạ)*, NXB Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh.

[8] - Dương Ký Châu (2019), *Giáo trình Hán ngữ (tập 2, thượng)*, NXB Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh.

14. Nội dung chi tiết học phần và phương pháp dạy - học

T T	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CDR học phần
	<p>第一课 我能坐这儿吗</p> <p>Mục tiêu bài:</p> <ul style="list-style-type: none">- Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài.- Nhớ mặt chữ Hán, đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài.- Trình bày được đặc điểm, cách dùng: Câu chữ 有, câu cầu khiến với 请, 能, 和.- Đọc, dịch lưu loát bài đọc.- Nghe hiểu nội dung các câu, hội thoại, đoạn văn tương ứng với nội dung bài học.- Hội thoại hỏi đáp về sự tồn tại của người và vật.- Viết đoạn văn ngắn miêu tả về vị trí của người hoặc vật.- Sử dụng từ, cấu trúc ngữ	3 (3LT,0TH)	<p>Thuyết trình; Trực quan; Đàm thoại; Đóng vai.</p> <p>- Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none">+ Trình chiếu, giảng giải làm rõ cách viết chữ Hán, nghĩa từ vựng, lấy ví dụ minh họa.+ Phát âm mẫu, hướng dẫn luyện phát âm, đặt câu với từ trọng điểm.+ Đặt câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc.+ Giao bài tập và hướng dẫn sinh viên làm bài tập.+ Gọi hội thoại theo cặp.+ Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên. <p>- Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none">+ Đọc trước tài liệu:	CDR1.1, CDR1.2, CDR1.4, CDR1.5, CDR1.8, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.4, CDR2.5, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3.

T T	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CDR học phần
	pháp hoàn thành bài tập. Nội dung cụ thể: 一、课文 二、语法 (一) “有”字句 (二) 连词“和” (三) 能愿动词“能” (四) 用“请”的祈使句 三、练习		[1] : Trang 1 - 4. [2] : Trang 84 - 87. [3] : Trang 71 - 76. [6] : Trang 154 - 155. [7] : Trang 124 - 125. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài. + Luyện phát âm. + Suy nghĩ, trả lời câu hỏi. + Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài. + Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 4 - 8.	
2	第二课 现在几点 Mục tiêu bài: - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài. - Nhớ mặt chữ Hán, đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài. - Trình bày được đặc điểm, cách dùng: Cách biểu đạt thời gian về giờ, danh từ 后. - Đọc, dịch lưu loát bài đọc. - Nghe hiểu nội dung các câu, hội thoại, đoạn văn tương ứng với nội dung bài học. - Hội thoại hỏi đáp về giờ gắn với các hoạt động hằng ngày. - Viết đoạn văn ngắn miêu tả hoạt động hàng ngày (gắn thời gian là giờ, phút). - Sử dụng từ, cấu trúc ngữ pháp hoàn thành bài tập. Nội dung cụ thể: 一、课文 二、语法 (一) 钟点的读法	6 (6LT,0TH)	Thuyết trình; Trực quan; Đàm thoại; Đóng vai. - Giảng viên: + Trình chiếu, giảng giải làm rõ cách viết chữ Hán, nghĩa từ vựng, lấy ví dụ minh họa. + Phát âm mẫu, hướng dẫn luyện phát âm, đặt câu với từ trọng điểm. + Đặt câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc. + Giao bài tập và hướng dẫn sinh viên làm bài tập. + Gọi hội thoại theo cặp. + Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên. - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1] : Trang 9 - 12. [2] : Trang 94 - 98. [3] : Trang 79 - 84. [7] : Trang 76 - 77. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài.	CDR1.1, CDR1.2, CDR1.5, CDR1.6, CDR1.8, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.4, CDR2.5, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3.

T T	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CDR học phần
	(二) 时间词做状语 (三) 名词“前” 三、练习		+ Luyện phát âm. + Suy nghĩ, trả lời câu hỏi. + Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài. + Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 12 - 16.	
3	第三课 明天天气怎么样 Mục tiêu bài: - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài. - Nhớ mặt chữ Hán, đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài. - Trình bày được đặc điểm, cách dùng: Câu vị ngữ chủ vị, 怎么样, 太, 会. - Đọc, dịch lưu loát bài đọc. - Nghe hiểu nội dung các câu, hội thoại, đoạn văn tương ứng với nội dung bài học. - Hội thoại hỏi đáp tình hình thời tiết. - Viết đoạn văn ngắn miêu tả thời tiết 4 mùa ở miền Bắc. - Sử dụng từ, cấu trúc ngữ pháp hoàn thành bài tập. Nội dung cụ thể: 一、课文 二、语法 (一) 疑问代词“怎么样” (二) 主谓谓语句 (三) 程度副词“太” (四) 能愿动词“会”(2) 三、练习	3 (3LT,0TH)	Thuyết trình; Trực quan; Đàm thoại; Đóng vai. - Giảng viên: + Trình chiếu, giảng giải làm rõ cách viết chữ Hán, nghĩa từ vựng, lấy ví dụ minh họa. + Phát âm mẫu, hướng dẫn luyện phát âm, đặt câu với từ trọng điểm. + Đặt câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc. + Giao bài tập và hướng dẫn sinh viên làm bài tập. + Gọi hội thoại theo cặp. + Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên. - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1] : Trang 17 - 19. [2] : Trang 102 - 105. [3] : Trang 87 - 92. [7] : Trang 122 - 123. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài. + Luyện phát âm. + Suy nghĩ, trả lời câu hỏi. + Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài. + Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 20 - 23.	CDR1.1, CDR1.2, CDR1.3, CDR1.4, CDR1.5, CDR1.8, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.4, CDR2.5, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3.
4	第四课 他在学做中国菜呢	3 (3LT,0TH)	Thuyết trình; Trực quan;	CDR1.1, CDR1.2,

T T	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CDR học phần
	<p>Mục tiêu bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài. - Nhớ mặt chữ Hán, đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài. - Trình bày được đặc điểm, cách dùng: 在...呢, 喂, 吧 và cách biểu đạt số điện thoại. - Đọc, dịch lưu loát bài đọc. - Nghe hiểu nội dung các câu, hội thoại, đoạn văn tương ứng với nội dung bài học. - Hội thoại hỏi đáp về các hoạt động đang diễn ra. - Viết đoạn văn ngắn miêu tả các hoạt động đang diễn ra. - Sử dụng từ, cấu trúc ngữ pháp hoàn thành bài tập. <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>一、课文</p> <p>二、语法</p> <p>（一）叹词“喂”</p> <p>（二）“在...呢”表示动作正在进行</p> <p>（三）电话号码的表达</p> <p>（四）语气助词“吧”</p> <p>三、练习</p>		<p>Đàm thoại; Đóng vai.</p> <p>- Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trình chiếu, giảng giải làm rõ cách viết chữ Hán, nghĩa từ vựng, lấy ví dụ minh họa. + Phát âm mẫu, hướng dẫn luyện phát âm, đặt câu với từ trọng điểm. + Luyện phát âm. + Suy nghĩ, trả lời câu hỏi. + Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài. + Giao bài tập và hướng dẫn sinh viên làm bài tập. + Gọi hội thoại theo cặp. + Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên. <p>- Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đọc trước tài liệu: [1] : Trang 24 - 27. [2] : Trang 110 - 113. [3] : Trang 96 - 101. [6] : Trang 89 - 90. [7] : Trang 18 - 19. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài. + Luyện phát âm, đặt câu, suy nghĩ, trình bày kết quả. + Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 27 - 31. 	<p>CDR1.5, CDR1.6, CDR1.7, CDR1.8, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.4, CDR2.5, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3.</p>
5	<p>第五课 他买了不少衣服</p> <p>Mục tiêu bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài. - Nhớ mặt chữ Hán, đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài. - Trình bày được đặc điểm, 	<p>3 (3LT,0TH)</p>	<p>Thuyết trình; Trực quan; Đàm thoại; Đóng vai.</p> <p>- Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trình chiếu, giảng giải làm rõ cách viết chữ Hán, nghĩa từ vựng, lấy ví dụ minh họa. + Phát âm mẫu, hướng dẫn luyện phát âm, đặt câu với từ 	<p>CDR1.1, CDR1.2, CDR1.5, CDR1.8, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.4,</p>

T T	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CDR học phần
	<p>cách dùng: Trợ từ 了, danh từ 后, 啊, 都.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc, dịch lưu loát bài đọc. - Nghe hiểu nội dung các câu, hội thoại, đoạn văn tương ứng với nội dung bài học. - Hội thoại hỏi đáp mua đồ. - Viết đoạn văn ngắn kể lại món đồ mình đã mua. - Sử dụng từ, cấu trúc ngữ pháp hoàn thành bài tập. <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>一、课文</p> <p>二、语法</p> <p>(一) “了” 表示发生或完成 “了”</p> <p>(二) 名词 “后”</p> <p>(三) 语气助词 “啊”</p> <p>(四) 副词 “都”</p> <p>三、练习</p>		<p>trọng điểm.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đặt câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc. + Giao bài tập và hướng dẫn sinh viên làm bài tập. + Gọi hội thoại theo cặp. + Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên. <p>- Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đọc trước tài liệu: [1] : Trang 32 - 35. [2] : Trang 116 - 120. [3] : Trang 105 - 110. [8] : Trang 5 - 7. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài. + Luyện phát âm. + Suy nghĩ, trả lời câu hỏi. + Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài. + Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 35 - 39. 	<p>CDR2.5, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3.</p>
6	<p>第六课 我是坐飞机来的</p> <p>Mục tiêu bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài. - Nhớ mặt chữ Hán, đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài. - Trình bày được đặc điểm, cách dùng: Câu 是 ... 的, cách biểu đạt thời gian. - Đọc, dịch lưu loát bài đọc. - Nghe hiểu nội dung các câu, hội thoại, đoạn văn tương ứng với nội dung bài học. - Hội thoại hỏi đáp thời gian, địa điểm, phương thức của 	6 (4LT,2KT)	<p>Thuyết trình; Trực quan; Đàm thoại; Đóng vai.</p> <p>- Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trình chiếu, giảng giải làm rõ cách viết chữ Hán, nghĩa từ vựng, lấy ví dụ minh họa. + Phát âm mẫu, hướng dẫn luyện phát âm, đặt câu với từ trọng điểm. + Đặt câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc. + Giao bài tập và hướng dẫn sinh viên làm bài tập. + Gọi hội thoại theo cặp. + Nhận xét, đánh giá kết quả 	<p>CDR1.1, CDR1.2, CDR1.4, CDR1.6, CDR1.8, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.5, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3.</p>

T T	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CDR học phần
	<p>động tác.</p> <p>- Sử dụng từ, cấu trúc ngữ pháp hoàn thành bài tập.</p> <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>一、课文</p> <p>二、语法</p> <p>（一）“是...的”句：强调时间、地点、方式</p> <p>（二）日期的表达：（2）年、月、日/号、星期</p> <p>三、练习</p> <p>Kiểm tra giữa học phần</p>		<p>trình bày của sinh viên.</p> <p>- Sinh viên:</p> <p>+ Đọc trước tài liệu:</p> <p>[1] : Trang 40 - 42.</p> <p>[2] : Trang 124 - 127.</p> <p>[3] : Trang 113 - 118.</p> <p>[7] : Trang 62 - 63.</p> <p>[8] : Trang 184 - 186.</p> <p>+ Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài.</p> <p>+ Luyện phát âm.</p> <p>+ Suy nghĩ, trả lời câu hỏi.</p> <p>+ Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài.</p> <p>+ Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 43 - 47.</p> <p>+ Làm bài kiểm tra giữa học phần.</p>	
7	<p>第七课 九月去北京旅游最好</p> <p>Mục tiêu bài:</p> <p>- Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài.</p> <p>- Nhớ mặt chữ Hán, đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài.</p> <p>- Trình bày được đặc điểm, cách dùng: 要, 最 và cách biểu đạt số ước lượng.</p> <p>- Đọc, dịch lưu loát bài đọc.</p> <p>- Nghe hiểu nội dung các câu, hội thoại, đoạn văn tương ứng với nội dung bài học.</p> <p>- Hội thoại hỏi đáp về sở thích.</p> <p>- Sử dụng từ, cấu trúc ngữ pháp hoàn thành bài tập.</p> <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>一、课文</p> <p>二、语法</p> <p>（一）助动词“要”</p>	3 (3LT,0TH)	<p>Thuyết trình; Trực quan; Đàm thoại; Đóng vai.</p> <p>- Giảng viên:</p> <p>+ Trình chiếu, giảng giải làm rõ cách viết chữ Hán, nghĩa từ vựng, lấy ví dụ minh họa.</p> <p>+ Phát âm mẫu, hướng dẫn luyện phát âm, đặt câu với từ trọng điểm.</p> <p>+ Đặt câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc.</p> <p>+ Giao bài tập và hướng dẫn sinh viên làm bài tập.</p> <p>+ Gọi hội thoại theo cặp.</p> <p>+ Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên.</p> <p>- Sinh viên:</p> <p>+ Đọc trước tài liệu:</p> <p>[1] : Trang 48 - 51.</p> <p>[4] : Trang 15 - 20.</p>	CDR1.1, CDR1.2, CDR1.5, CDR1.6, CDR1.8, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.5, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3.

T T	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CDR học phần
	(二) 程度副词 “最” (三) 概数的表达 “几、多” 三、练习		[5] : Trang 7 - 15. [6] : Trang 155 - 156. [7] : Trang 123. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài. + Luyện phát âm. + Suy nghĩ, trả lời câu hỏi. + Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài. + Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 51 - 57.	
8	第八课 我每天六点起床 Mục tiêu bài: - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài. - Nhớ mặt chữ Hán, đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài. - Trình bày được đặc điểm, cách dùng: Câu hỏi 是不是, đại từ nghi vấn 多, đại từ 每. - Đọc, dịch lưu loát bài đọc. - Hội thoại hỏi đáp tình hình sức khỏe. - Sử dụng từ, cấu trúc ngữ pháp hoàn thành bài tập. Nội dung cụ thể: 一、课文 二、语法 (一) 用 “是不是” 的问句 (二) 代词 “每” (三) 疑问代词 “多” 三、练习	3 (3LT,0TH)	Thuyết trình; Trực quan; Đàm thoại; Đóng vai. - Giảng viên: + Trình chiếu, giảng giải làm rõ cách viết chữ Hán, nghĩa từ vựng, lấy ví dụ minh họa. + Phát âm mẫu, hướng dẫn luyện phát âm, đặt câu với từ trọng điểm. + Đặt câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc. + Giao bài tập và hướng dẫn sinh viên làm bài tập. + Gọi hội thoại theo cặp. + Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên. - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1] : Trang 58 - 61. [4] : Trang 23 - 27. [5] : Trang 17 - 23. [7] : Trang 103. [8] : Trang 5. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài. + Luyện phát âm.	CDR1.1, CDR1.2, CDR1.3, CDR1.5, CDR1.8, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.5, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3.

T T	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CDR học phần
			+ Suy nghĩ, trả lời câu hỏi. + Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài. + Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 61 - 66.	
9	<p style="text-align: center;">第九课</p> <p style="text-align: center;">左边那个红色的是我的</p> <p>Mục tiêu bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài. - Nhớ mặt chữ Hán, đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài. - Trình bày được đặc điểm, cách dùng: Cụm từ chữ 的, 一下 và phó từ 真. - Đọc, dịch lưu loát bài đọc. - Nghe hiểu nội dung các câu, hội thoại, đoạn văn tương ứng với nội dung bài học. - Viết đoạn văn ngắn miêu tả đồ vật. - Hội thoại hỏi đáp đồ vật. - Sử dụng từ, cấu trúc ngữ pháp hoàn thành bài tập. <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>一、课文</p> <p>二、语法</p> <p>（一）“的”字短语</p> <p>（二）一下</p> <p>（三）语气副词“真”</p> <p>三、练习</p>	3 (3LT,0TH)	<p>Thuyết trình; Trực quan; Đàm thoại; Đóng vai.</p> <p>- Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trình chiếu, giảng giải làm rõ cách viết chữ Hán, nghĩa từ vựng, lấy ví dụ minh họa. + Phát âm mẫu, hướng dẫn luyện phát âm, đặt câu với từ trọng điểm. + Đặt câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc. + Giao bài tập và hướng dẫn sinh viên làm bài tập. + Gọi hội thoại theo cặp. + Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên. <p>- Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đọc trước tài liệu: [1] : Trang 67 - 70. [4] : Trang 31 - 35. [5] : Trang 27 - 33. [7] : Trang 126 - 127. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài. + Luyện phát âm. + Suy nghĩ, trả lời câu hỏi. + Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài. + Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 70 - 75. 	CDR1.1, CDR1.2, CDR1.5, CDR1.8, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.4, CDR2.5, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3.
10	<p style="text-align: center;">第十课</p> <p style="text-align: center;">这个工作是你帮我介绍的</p>	3 (3LT,0TH)	<p>Thuyết trình; Trực quan; Đàm thoại; Đóng vai.</p>	CDR1.1, CDR1.2, CDR1.4,

T T	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CDR học phần
	<p>Mục tiêu bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài. - Trình bày được đặc điểm, cách dùng: Câu 是 ... 的, phó từ 已经. - Nhớ mặt chữ Hán, đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài. - Đọc, dịch lưu loát bài đọc. - Nghe hiểu nội dung các câu, hội thoại, đoạn văn tương ứng với nội dung bài học. - Viết đoạn văn ngắn về một ngày học tập của mình. - Hội thoại hỏi đáp về hoạt động hằng ngày. - Sử dụng từ, cấu trúc ngữ pháp hoàn thành bài tập. <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>一、课文</p> <p>二、语法</p> <p>（一）“是...的”句</p> <p>（二）表示时间：...的时候</p> <p>（三）时间副词“已经”</p> <p>三、练习</p>		<p>- Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trình chiếu, giảng giải làm rõ cách viết chữ Hán, nghĩa từ vựng, lấy ví dụ minh họa. + Phát âm mẫu, hướng dẫn luyện phát âm, đặt câu với từ trọng điểm. + Đặt câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc. + Giao bài tập và hướng dẫn sinh viên làm bài tập. + Gọi hội thoại theo cặp. + Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên. <p>- Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đọc trước tài liệu: [1] : Trang 76 - 79. [4] : Trang 39 - 43. [5] : Trang 37 - 43. [8] : Trang 184 - 185. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài. + Luyện phát âm. + Suy nghĩ, trả lời câu hỏi. + Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài. + Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 79 - 84. 	<p>CDR1.5, CDR1.8, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.4, CDR2.5, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3.</p>
12	<p>第十一课 就买这件吧</p> <p>Mục tiêu bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài. - Nhớ mặt chữ Hán, đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài. - Trình bày được đặc điểm, cách dùng: Phó từ 就, 还, 有点儿. 	<p>3 (3LT,0TH)</p>	<p>Thuyết trình; Trực quan; Đàm thoại; Đóng vai.</p> <p>- Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trình chiếu, giảng giải làm rõ cách viết chữ Hán, nghĩa từ vựng, lấy ví dụ minh họa. + Phát âm mẫu, hướng dẫn luyện phát âm, đặt câu với từ trọng điểm. 	<p>CDR1.1, CDR1.2, CDR1.5, CDR1.8, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.4, CDR2.5, CDR3.1,</p>

T T	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CDR học phần
	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc, dịch lưu loát bài đọc. - Nghe hiểu nội dung các câu, hội thoại, đoạn văn tương ứng với nội dung bài học. - Hội thoại hỏi đáp về chủ đề mua đồ. - Viết đoạn văn ngắn về món đồ mà mình mua. - Sử dụng từ, cấu trúc ngữ pháp hoàn thành bài tập. <p>Nội dung cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> 一、课文 二、语法 <ul style="list-style-type: none"> (一) 副词“就” (二) 语气副词“还” (三) 程度副词“有点儿” 三、练习 		<ul style="list-style-type: none"> + Đặt câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc. + Giao bài tập và hướng dẫn sinh viên làm bài tập. + Gọi hội thoại theo cặp. + Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên. <p>- Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đọc trước tài liệu: [1] : Trang 85 - 85. [4] : Trang 47 - 51. [5] : Trang 47 - 53. [7] : Trang 47 - 48. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài. + Luyện phát âm. + Suy nghĩ, trả lời câu hỏi. + Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài. + Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 86 - 93. 	CDR3.2, CDR3.3.
12	<p>第十二课 你怎么不吃了</p> <p>Mục tiêu bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài. - Nhớ mặt chữ Hán, đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài. - Trình bày được đặc điểm, cách dùng: đại từ nghi vấn 怎么, lượng từ lặp lại, cấu trúc 因为..., 所以... - Đọc, dịch lưu loát bài đọc. - Nghe hiểu nội dung các câu, hội thoại, đoạn văn tương ứng với nội dung bài học. - Hội thoại hỏi đáp tình hình học tập, sức khỏe. 	6 (6LT,0TH)	<p>Thuyết trình; Trực quan; Đàm thoại; Đóng vai.</p> <p>- Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trình chiếu, giảng giải làm rõ cách viết chữ Hán, nghĩa từ vựng, lấy ví dụ minh họa. + Phát âm mẫu, hướng dẫn luyện phát âm, đặt câu với từ trọng điểm. + Đặt câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc. + Giao bài tập và hướng dẫn sinh viên làm bài tập. + Gọi hội thoại theo cặp. + Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên. <p>- Sinh viên:</p>	CDR1.1, CDR1.2, CDR1.3, CDR1.5, CDR1.8, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.5, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3.

T T	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
	<p>- Sử dụng từ, cấu trúc ngữ pháp hoàn thành bài tập. Nội dung cụ thể: 一、课文 二、语法 (一) 疑问代词 “怎么” (二) 量词的重叠 (三) 关联词 “因为..., 所以...” 三、练习</p>		<p>+ Đọc trước tài liệu: [1] : Trang 94 - 97. [4] : Trang 55 - 59. [5] : Trang 57 - 63. [7] : Trang 20, 45, 46. [8] : Trang 25 - 26. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài. + Luyện phát âm. + Suy nghĩ, trả lời câu hỏi. + Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài. + Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 98 - 102.</p>	

Hải Dương, ngày 09 tháng 8 năm 2022

**KT. HIỆU TRƯỞNG
 PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên

Nguyễn Đăng Tiến

Nguyễn Thị Hoa